

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tech - Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyển giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở của Công ty theo đăng ký được đặt tại: Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	
Ông Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Nguyễn Công Hoan	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Nguyễn Trung Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2016
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hoan	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 05/09/2016
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/09/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Vũ Ngọc Ánh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016
Bà Triệu Thị Mùi	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 05/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Số: 68/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tech - Vina**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tech - Vina được lập ngày 16 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tech - Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.650.338.818	41.355.271.813
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.718.637.101	3.921.261.216
111	1. Tiền		2.718.637.101	3.921.261.216
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.019.227.945	16.324.686.780
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	5.435.026.046	10.712.606.755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.536.368.586	5.154.792.479
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	47.833.313	457.287.546
140	IV. Hàng tồn kho	7	30.388.506.968	20.693.733.648
141	1. Hàng tồn kho		30.388.506.968	20.693.733.648
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		523.966.804	415.590.169
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.742.500	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		514.224.304	415.590.169
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	2.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.185.463.485	31.071.523.822
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.000.000.000	7.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	7.000.000.000	7.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		17.910.233.971	19.153.283.822
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.910.233.971	19.153.283.822
222	- Nguyên giá		22.508.257.544	21.620.257.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.598.023.573)	(2.466.973.722)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.275.229.514	4.918.240.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.275.229.514	4.918.240.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		75.835.802.303	72.426.795.635

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.044.633.452	14.703.171.909
310	I. Nợ ngắn hạn		11.710.533.452	13.883.471.909
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	1.206.432.391	7.790.689.751
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	490.093.670
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	451.728.343	206.358.705
314	4. Phải trả người lao động		63.112.827	56.681.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	140.479.466	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.086.610.571	514.048.062
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	7.625.988.668	4.825.600.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		136.181.186	-
330	II. Nợ dài hạn		334.100.000	819.700.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	334.100.000	819.700.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.791.168.851	57.723.623.726
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	63.791.168.851	57.723.623.726
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.000.000.000	55.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		136.181.186	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.654.987.665	2.723.623.726
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.451.261.354	(223.896.433)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.203.726.311	2.947.520.159
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		75.835.802.303	72.426.795.635


Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởngHoàng Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	48.907.939.021	52.316.898.325
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.907.939.021	52.316.898.325
11	4. Giá vốn hàng bán	18	39.792.694.485	47.032.590.987
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.115.244.536	5.284.307.338
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	101.833.648	20.904.555
22	7. Chi phí tài chính	20	910.137.744	616.006.691
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		843.732.421	600.773.447
25	8. Chi phí bán hàng		12.147.737	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.671.704.495	1.548.140.029
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.623.088.208	3.141.065.173
31	11. Thu nhập khác		5.395.672	-
32	12. Chi phí khác	22	134.348.434	5.994.510
40	13. Lợi nhuận khác		(128.952.762)	(5.994.510)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.494.135.446	3.135.070.663
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	290.409.135	187.550.504
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.203.726.311	2.947.520.159
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.128	2.827

Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.494.135.446	3.135.070.663
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.131.049.851	1.032.889.121
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		29.557.385	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.230.616)	(548.465)
06	- Chi phí lãi vay		843.732.421	600.773.447
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.497.244.487	4.768.184.766
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.209.190.218	(19.874.465.358)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.694.773.320)	(13.641.075.718)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.420.825.602)	6.001.933.732
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.364.732.014)	113.020.005
14	- Tiền lãi vay đã trả		(798.252.955)	(600.773.447)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(177.778.910)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.749.928.096)	(23.233.176.020)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(774.000.000)	(518.301.050)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.230.616	548.465
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(772.769.384)	(517.752.585)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	26.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		15.990.897.850	8.680.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(13.676.109.182)	(8.192.600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.314.788.668	26.487.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.207.908.812)	2.736.471.395

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.921.261.216	1.184.789.821
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.284.697	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.718.637.101	3.921.261.216



Trần Thị Hoài
 Người lập



Trần Thị Hoài
 Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyển giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở của Công ty theo đăng ký được đặt tại: Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.000.000.000 đồng; tương đương 5.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất tinh dầu quế, sản xuất củi mùn cưa từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế và kinh doanh các mặt hàng liên quan đến tinh dầu, cà phê thóc, than đốt, gang tay phủ nhựa, màng xốp...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh nhà máy Tinh dầu Công ty cổ phần
Tech - Vina

Địa chỉ

Huyện Bảo Thắng,
tỉnh Lào Cai

Hoạt động kinh doanh chính

Chiết xuất tinh dầu quế, sản xuất
củi mùn cưa

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của chi nhánh hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	647.209.182	910.326.439
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.071.427.919	3.010.934.777
	2.718.637.101	3.921.261.216

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH TD Việt Nam	3.990.099.748	3.630.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	584.815.170	-
- Công ty TNHH ABB - Chi nhánh Bắc Ninh	-	170.577.000
- Công ty BERJE INC	554.189.628	-
- Công ty TNHH Denso Việt Nam	-	214.500.000
- Công ty TNHH Sản xuất và xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	-	5.983.401.825
- Các khoản phải thu khách hàng khác	305.921.500	714.127.930
	5.435.026.046	10.712.606.755

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	400.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xốp cách nhiệt Phương Nam	234.127.250	-	265.540.950	-
D OEHLMANN AND ASSOCIATES	198.136.950	-	-	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu cho nông dân	4.162.265.578	-	4.531.590.550	-
Trả trước cho người bán khác	541.838.808	-	357.660.979	-
	5.536.368.586	-	5.154.792.479	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	30.000.000	-	457.287.546	-
Phải thu khác	17.833.313	-	-	-
	47.833.313	-	457.287.546	-
b) Dài hạn				
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-

(*) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HDHTKD/TVN-TV ngày 15/11/2015 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/10/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH TD Việt Nam với các điều khoản cụ thể như sau:

- Phạm vi hợp tác kinh doanh: Hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống sấy sản với công suất 100 tấn nguyên liệu tươi/ngày đặt tại thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai với tổng giá trị đầu tư hệ thống là 22 tỷ trong đó Công ty Cổ phần Tech - Vina góp 10 tỷ;
- Thời hạn của hợp đồng: 10 năm;
- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận từ hoạt động khai thác, sản xuất hệ thống sấy được phân chia theo tỷ lệ góp vốn sau khi hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.820.853.167	-	7.675.481.220	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	225.856.230	-
Thành phẩm	2.839.660.071	-	488.183.289	-
Hàng hoá	22.727.993.730	-	12.304.212.909	-
	30.388.506.968	-	20.693.733.648	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	12.687.277.403	6.908.393.777	1.879.586.364	145.000.000	21.620.257.544					
- Mua trong năm	-	888.000.000	-	-	888.000.000					
Số dư cuối năm	12.687.277.403	7.796.393.777	1.879.586.364	145.000.000	22.508.257.544					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	68.407.824	1.338.209.126	1.060.356.772	-	2.466.973.722					
- Khấu hao trong năm	650.854.872	1.192.165.781	259.029.194	29.000.004	2.131.049.851					
Số dư cuối năm	719.262.696	2.530.374.907	1.319.385.966	29.000.004	4.598.023.573					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	12.618.869.579	5.570.184.651	819.229.592	145.000.000	19.153.283.822					
Tại ngày cuối năm	11.968.014.707	5.266.018.870	560.200.398	115.999.996	17.910.233.971					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.316.720.795 đồng
721.087.273 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	7.742.500	-
	7.742.500	-
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy sản xuất tinh dầu quế	4.672.327.996	4.918.240.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	778.513.437	-
Chi phí sửa chữa cải tạo tại nhà máy sản xuất tinh dầu quế	824.388.081	-
	6.275.229.514	4.918.240.000

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH TD Việt Nam	641.492.219	641.492.219	6.107.646.180	6.107.646.180
Vũ Tuấn Trung	329.670.000	329.670.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhiệt và Xây lắp công nghiệp	125.400.000	125.400.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	109.870.172	109.870.172	1.683.043.571	1.683.043.571
	1.206.432.391	1.206.432.391	7.790.689.751	7.790.689.751

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	244.690.163	-	197.824.357	-	-	-	46.865.806	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	126.749.098	-	126.749.098	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	187.550.504	354.099.245	-	177.778.910	-	-	-	363.870.839	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	18.808.201	20.444.444	-	35.664.147	-	-	-	3.588.498	-
Các loại thuế khác	-	-	5.638.400	-	7.638.400	-	2.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	37.403.200	-	-	-	-	-	37.403.200	-
	-	206.358.705	789.024.550	-	545.654.912	-	2.000.000	-	451.728.343	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	45.479.466	-
- Chi phí thuế văn phòng chưa có hóa đơn	95.000.000	-
	140.479.466	-

13 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	8.813.855	14.713.062
- Văn phòng đại diện Netherlands Development Org tại Việt Nam	98.248.556	497.335.000
- Phải trả Công ty Gremerit Holdings Limited	1.979.548.160	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	2.000.000
	2.086.610.571	514.048.062

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	4.340.000.000	4.340.000.000	15.990.897.850	13.190.509.182	7.140.388.668	7.140.388.668
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng (1)	4.340.000.000	4.340.000.000	11.737.089.000	10.921.117.000	5.155.972.000	5.155.972.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (2)	-	-	2.893.500.000	909.083.332	1.984.416.668	1.984.416.668
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	-	1.360.308.850	1.360.308.850	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	485.600.000	485.600.000	485.600.000	485.600.000	485.600.000	485.600.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Ba Đình	82.800.000	82.800.000	82.800.000	82.800.000	82.800.000	82.800.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng	402.800.000	402.800.000	402.800.000	402.800.000	402.800.000	402.800.000
	4.825.600.000	4.825.600.000	16.476.497.850	13.676.109.182	7.625.988.668	7.625.988.668
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Ba Đình (1)	288.800.000	288.800.000	-	82.800.000	206.000.000	206.000.000
- Vay dài hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng (2)	1.016.500.000	1.016.500.000	-	402.800.000	613.700.000	613.700.000
	1.305.300.000	1.305.300.000	-	485.600.000	819.700.000	819.700.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(485.600.000)	(485.600.000)	(485.600.000)	(485.600.000)	(485.600.000)	(485.600.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	819.700.000	819.700.000	819.700.000	819.700.000	334.100.000	334.100.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201501615 ngày 14/04/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 12 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tinh dầu quế và tinh dầu húng quế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2016: 10,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.155.972.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản và một phần không có bảo đảm.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 140716-408823-01-SME ngày 19/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại tinh dầu quế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 19/07/2016;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng thời điểm vay, lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 18,2%;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.984.416.668 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 035CN040/HĐTD-VIB/2014 ngày 03/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 413.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Ford Ranger XLS màu ghi
 - + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger XLS màu ghi vàng biển kiểm soát 29C - 365.26 đứng tên Công ty Cổ phần Tech - Vina;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 206.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 82.800.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201400946 ngày 29/04/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 1.520.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: mua hệ thống máy ép củi mùn theo tiêu chuẩn kỹ thuật, công suất 2 tấn/giờ để thực hiện Phương án kinh doanh củi mùn từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 13%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 613.700.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 402.800.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	-	(223.896.433)	9.776.103.567
Tăng vốn trong năm trước	45.000.000.000	-	-	45.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	2.947.520.159	2.947.520.159
Số dư cuối năm trước	55.000.000.000	-	2.723.623.726	57.723.623.726
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000	-	2.723.623.726	57.723.623.726
Lãi trong năm nay	-	-	6.203.726.311	6.203.726.311
Phân phối lợi nhuận	-	136.181.186	(272.362.372)	(136.181.186)
Số dư cuối năm nay	55.000.000.000	136.181.186	8.654.987.665	63.791.168.851

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	2.947.520.159
Trích Quỹ đầu tư phát triển	4,62%	136.181.186
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,62%	136.181.186
Lợi nhuận chưa phân phối	90,76%	2.675.157.787

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Hoàng Văn Hải	10,00%	5.500.000.000	69,09%	38.000.000.000
Ông Nguyễn Công Hoan	9,73%	5.350.000.000	0,00%	-
Bà Bùi Thị Thơm	7,27%	4.000.000.000	0,00%	-
Ông Bùi Trọng Nghĩa	0,18%	100.000.000	21,82%	12.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	0,00%	-	9,09%	5.000.000.000
Các cổ đông khác	72,82%	40.050.000.000	0,00%	-
	100%	55.000.000.000	100%	55.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	55.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	45.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	136.181.186	-
	<u>136.181.186</u>	<u>-</u>
16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	88.892,76	150,29
17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	25.533.899.233	15.469.140.500
Doanh thu bán hàng hóa	23.374.039.788	36.847.757.825
	<u>48.907.939.021</u>	<u>52.316.898.325</u>
18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.693.209.540	13.045.117.895
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.099.484.945	33.987.473.092
	<u>39.792.694.485</u>	<u>47.032.590.987</u>
19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.230.616	548.465
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	100.603.032	20.356.090
	<u>101.833.648</u>	<u>20.904.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINAPhòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	843.732.421	600.773.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	36.847.566	15.233.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	29.557.385	-
Chi phí tài chính khác	372	-
	910.137.744	616.006.691

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.000.000	34.359.394
Chi phí nhân công	269.061.617	527.146.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259.029.195	376.245.086
Thuế, phí, lệ phí	7.335.200	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.505.591	66.026.587
Chi phí khác bằng tiền	928.772.892	541.362.962
	1.671.704.495	1.548.140.029

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Phạt chậm nộp và truy thu thuế	134.348.434	2.632.500
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	3.362.010
	134.348.434	5.994.510

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi thuế</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.308.047.028	1.439.025.452
Các khoản điều chỉnh tăng	134.348.434	3.362.010
- Chi phí không hợp lệ	134.348.434	3.362.010
Các khoản điều chỉnh giảm	9.650.215	(504.634.944)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	9.650.215	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(504.634.944)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.452.045.677	937.752.518
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	290.409.135	187.550.504
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	63.690.110	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	187.550.504	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(177.778.910)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	363.870.839	187.550.504
<i>Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn đặc biệt khó khăn</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ địa bàn đặc biệt khó khăn	5.186.088.418	1.696.045.211
Các khoản điều chỉnh tăng	-	2.632.500
- Chi phí không hợp lệ	-	2.632.500
Thu nhập tính thuế TNDN	5.186.088.418	1.698.677.711
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	518.608.842	169.867.771
Thuế TNDN được miễn giảm do ưu đãi đối với địa bàn đặc biệt khó khăn	(518.608.842)	(169.867.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	290.409.135	187.550.504
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	363.870.839	187.550.504

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.203.726.311	2.947.520.159
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.203.726.311	2.947.520.159
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.500.000	1.042.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.128	2.827

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.290.491.990	10.971.502.021
Chi phí nhân công	612.556.617	869.252.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.131.049.851	1.032.889.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.371.875.763	1.373.688.287
Chi phí khác bằng tiền	1.322.564.383	568.736.388
	23.728.538.604	14.816.068.122

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.718.637.101	-	3.921.261.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.482.859.359	-	18.169.894.301	-
	15.201.496.460	-	22.091.155.517	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	7.960.088.668	5.645.300.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.293.042.962	8.304.737.813
Chi phí phải trả	140.479.466	-
	11.393.611.096	13.950.037.813

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.718.637.101	-	-	2.718.637.101
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.482.859.359	-	7.000.000.000	12.482.859.359
	8.201.496.460	-	7.000.000.000	15.201.496.460
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.921.261.216	-	-	3.921.261.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.169.894.301	7.000.000.000	-	18.169.894.301
	15.091.155.517	7.000.000.000	-	22.091.155.517

111105
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
KIỂM TOÁN
ASC
KIỂM - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	7.625.988.668	334.100.000	-	7.960.088.668
Phải trả người bán, phải trả khác	3.293.042.962	-	-	3.293.042.962
Chi phí phải trả	140.479.466	-	-	140.479.466
	11.059.511.096	334.100.000	-	11.393.611.096
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	4.825.600.000	819.700.000	-	5.645.300.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.304.737.813	-	-	8.304.737.813
	13.130.337.813	819.700.000	-	13.950.037.813

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	25.533.899.233	23.374.039.788	48.907.939.021
Chi phí bộ phận trực tiếp	19.693.209.540	20.099.484.945	39.792.694.485
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.840.689.693	3.274.554.843	9.115.244.536
Tổng chi phí mua TSCĐ	888.000.000	-	888.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	38.834.792.100	37.001.010.203	75.835.802.303
Tổng tài sản	38.834.792.100	37.001.010.203	75.835.802.303
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.047.604.189	7.997.029.263	12.044.633.452
Tổng nợ phải trả	4.047.604.189	7.997.029.263	12.044.633.452

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Phòng 811, nhà N3A, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo khu vực địa lý

	<u>Bán hàng trong nước</u> VND	<u>Xuất khẩu ra nước ngoài</u> VND	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u> VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.592.895.191	6.315.043.830	48.907.939.021
Tài sản bộ phận	-	-	75.835.802.303
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	888.000.000

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Chi tiền tạm ứng		30.000.000	-
Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc	30.000.000	-
Phải thu tạm ứng		30.000.000	-
Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc	30.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	157.503.844	357.000.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hoài
Người lập



Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017